

Bản án số: 1173/2024/DS-ST
Ngày 27-09-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín
dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hợi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Khanh.
2. Bà Trần Thị Kim Anh.

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Mai Lệ - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Bùi Thị Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 09 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 122/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 699/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 08 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 540/2024/QĐST-DS ngày 04 tháng 09 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Địa chỉ trụ sở chính: nbh-csw N, phường V, Quận c, Thành phố H. Địa chỉ liên lạc: bgh N, phường V, Quận c, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Nguyễn T N. Sinh năm 19xx. Là người đại diện ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 3721/2024/UQ-TGD ngày 10/04/2024 và số 2535A/2022/GUQ-PL ngày 12/10/2022.

Bị đơn: bà Lưu T P. Sinh năm: 19xx.

Địa chỉ: bv Đường số B, phường B, quận B, Thành phố H.

(ông N có đơn xin xét xử vắng mặt. Bà P vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của đương sự tại tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

[1] Đại diện Ngân hàng Thương mại Cổ phần S trình bày: ngày 15/11/2018 bà P có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây gọi tắt là: Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 30.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2,6%/tháng (lãi suất trong hạn). Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 56.368.859 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 45.746.000 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà P vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà P vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23/10/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 26.409.905 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại). Tính đến ngày 27/09/2024, bà P còn nợ tổng số tiền là 75.712.093 đồng. Trong đó: nợ gốc là 26.409.905 đồng, lãi quá hạn là 49.302.188 đồng.

Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 26.409.905 đồng với lãi suất quá hạn là 3.9%/tháng ($2.6\% \times 150\%$) từ ngày ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại. Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà P, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên bà P vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết như sau:

Buộc bà Lưu T P phải trả ngay một lần cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 27/09/2024 là 75.712.093 đồng. Trong đó: nợ gốc là 26.409.905 đồng, lãi quá hạn là 49.302.188 đồng. Và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 28/09/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

[2] Bị đơn bà Lưu T P đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết công khai hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ; không chứng minh để tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình; không đưa ra

yêu cầu phải tố, không tham gia phiên họp, phiên hòa giải và không tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa:

- Ông Nguyễn T N đại diện ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt theo đơn ngày 10/04/2024. Bị đơn bà Lưu T P vắng mặt không lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ đầy đủ. Tuy nhiên về thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện yêu cầu bà Lưu T P thanh toán số tiền gốc và lãi đối với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự. Theo kết quả xác minh của Công an phường B, quận B, Thành phố H thì bị đơn bà Lưu T P có địa chỉ cư trú tại: bv Đường số B, phường B, quận B, Thành phố H. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về thủ tục tố tụng:

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Còn bị đơn bà Lưu T P đã được Tòa án tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như nhiều lần triệu tập bà Lưu T P đến Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhưng bà P vẫn vắng mặt không có lý do, cũng như không cung cấp, giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ hay có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn nộp cho Tòa án. Tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*.

Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu bà Lưu T P thanh toán số tiền gốc và lãi đối với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 27/09/2024 là 75.712.093 đồng (trong đó: nợ gốc là 26.409.905 đồng, lãi quá hạn là 49.302.188 đồng) và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 28/09/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Xét thấy, căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng được ký kết giữa bà Lưu T P và Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây gọi tắt là: Ngân hàng) ngày 15/11/2018, bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng cá nhân, bảng tóm tắt sao kê, thì thấy có cơ sở xác định Ngân hàng đã cấp cho bà Lưu T P thẻ tín dụng với hạn mức 30.000.000 đồng. Giao dịch giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực.

Căn cứ bảng tóm tắt sao kê ngày 27/09/2024 cho thấy, sau khi được cấp thẻ, bà P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 56.368.859 đồng. Quá trình sử dụng thẻ, bà P đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 45.746.000 đồng, trong đó có các khoản phí là lãi tính đến ngày 22/10/2020 là 15.787.046 đồng (gồm: phí trễ hạn là 1.859.242 đồng, phí vượt hạn mức là 100.000 đồng, phí 798.000 đồng và tiền lãi là 13.029.804 đồng). Như vậy sau khi trừ đi các khoản phí và lãi thì số tiền bà P đã thanh toán cho Ngân hàng là: 45.746.000 đồng - 15.787.046 đồng = 29.958.954 đồng. Do số tiền bà P thực hiện các giao dịch (56.368.859 đồng) lớn hơn số tiền bà P đã thanh toán (29.958.954 đồng), do đó số tiền gốc bà P còn nợ là: 56.368.859 đồng - 29.958.954 đồng = 26.409.905 đồng. Do bà P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 23/10/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà P và chuyển toàn bộ số dư nợ gốc là 26.409.905 đồng sang nợ quá hạn. Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà P phải thanh toán số tiền gốc còn nợ là 26.409.905 đồng, xét yêu cầu này của Ngân hàng là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 27/09/2024 là 49.302.188 đồng, xét thấy Ngân hàng tính lãi quá hạn dựa vào sự thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng tín dụng; thỏa thuận này phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi năm 2017. Do đó Ngân hàng yêu cầu bà Lưu T P có nghĩa vụ trả số tiền nợ lãi quá hạn cho Ngân hàng trên tổng số tiền nợ gốc tính đến ngày xét xử sơ thẩm (27/09/2024) là 49.302.188 đồng, là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị đơn bà Lưu T P vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền đã trả, số tiền còn nợ Ngân hàng.

[3] Về án phí:

Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn bà Lưu T P phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, cụ thể: 75.712.093 đồng (trong đó: nợ gốc là 26.409.905 đồng, lãi quá hạn là 49.302.188 đồng) x 5% = 3.785.605 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí là 1.600.114 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011762 ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Đối với ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy rằng, các ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về hình thức và nội dung là phù hợp quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010 được sửa đổi năm 2017;

- Căn cứ vào Điều 116, Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Buộc bà Lưu T P có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm tính đến ngày 27/09/2024 là: 75.712.093 (bảy mươi lăm triệu bảy trăm mười hai nghìn không trăm chín mươi ba) đồng. Trong đó: số tiền nợ gốc là 26.409.905 (hai mươi sáu triệu bốn trăm lẻ chín nghìn chín trăm lẻ năm) đồng, nợ lãi quá hạn: 49.302.188 (bốn mươi chín triệu ba trăm lẻ hai nghìn một trăm tám mươi tám) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/09/2024), bà Lưu T P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Về án phí:

Bà Lưu T P phải chịu án phí sơ thẩm là 3.785.605 (ba triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn sáu trăm lẻ năm) đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí là 1.600.114 (một triệu sáu trăm nghìn một trăm mười bốn) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011762 ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS quận Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoi